

Số: /BV-KD  
V/v đề nghị báo giá thiết bị y tế, vật tư xét  
nghiệm, hóa chất bổ sung lần 1 năm 2025

Bắc Mê, ngày 01 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh Vật tư y tế, Vật tư xét  
nghiệm, Hóa chất, sinh phẩm.

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ về  
Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về  
lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
cung ứng Vật tư y tế và hóa chất, sinh phẩm bổ sung năm 2025 (Có Phụ lục kèm  
theo). Đề có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện đề nghị các  
công ty cung cấp báo giá của hàng hóa trên (theo mẫu báo giá kèm theo).

- Thời gian báo giá: Trước 17h00 ngày 11/4/2025.

- Hình thức nhận báo giá:

+ Báo giá bằng văn bản, có chữ ký, họ tên, chức danh của người đại diện  
và đóng dấu công ty gửi về địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc  
Mê, tỉnh Hà Giang, Tổ 1 Thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Điện  
thoại: 0838.574.883

+ Bản file mềm gửi vào địa chỉ mail: [linhlathi@gmail.com](mailto:linhlathi@gmail.com).

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Chung**

## MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số

/BV-KD ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê)

Công ty: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Email: .....

Mã số thuế: .....

## BÁO GIÁ

### VẬT TƯ Y TẾ VÀ HÓA CHẤT, SINH PHẨM BỔ SUNG NĂM 2025

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê chúng tôi Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

#### 1. Báo giá Vật tư y tế và hóa chất, sinh phẩm bổ sung năm 2025

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBY T	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine		Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine; quy cách: R1: 2x100ml + R2: 1x70ml Dải đo: mẫu huyết thanh/huyết tương 0.1-30 mg/dL, nước tiểu 5-450 mg/dL Thành phần: Hóa chất R1: - Good's buffer, pH 7.5 - EHSPT: 0,4 mmol/L - Creatinase: $\geq 10000$ U/L - Sarcosine Oxidase: $\geq 3500$ U/L Hóa chất R2: - Good's buffer, pH 7.5 - Amino- 4- Antipyrine: 2,95 mmol/L - Creatinase: $\geq 150000$ U/L						Hộp	5				

			- Peroxidase: $\geq 4000$ U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng										
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea UV		Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa; quy cách R1: 4x50mL + R2: 2x26mL + Std: 1x5mL; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL , nước tiểu 200-6000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: $\geq 8100$ U/L -GIDH: $\geq 1350$ U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)						Hộp	10			
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB		Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; dải đo: 10-600 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Imidazole buffer, pH 6.1 - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2,5 mmol/L - Hexokinase : $\geq 6800$ U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng Nồng độ kháng thể Anti-CK-M có trong R1 đủ để ức chế 2000 U/L CK-M ở 37°C Hóa chất 2: R2 - Imidazole buffer, pH 8.9 - Creatinine phosphate: 250 mmol/L - ADP: 15,2 mmol/L - G-6-PDH: $\geq 8800$ U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng Cũng chứa các muối magie, N-acetyl-L-cystein, EDTA, Diadenosine pentaphosphate và AMP cho hiệu suất tối ưu						Hộp	1			

4	Test định lượng HbA1C		<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Dài làm việc: NGSP (%): 4-15 %. Quy cách: 25 test/hộp</p>						Test	200				
5	Pack sử dụng trong xác định định lượng các ion Natri (Na +), Kali (K+), Canxi (Ca ++ ) và Cl		<p>Dùng để xác định định lượng Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl-).</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-;</li> <li>Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent</li> <li>- Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-;</li> <li>Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent</li> <li>- Wash Solution, 80mL</li> <li>0.1 mol/L Ammonium bifluoride</li> <li>- Waste Container Quy cách: 800ml/hộp</li> </ul>						Hộp	5				
6	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B		<p>Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC</p>						Test	300				
7	Định tính phát hiện kháng thể virus HIV		<p>Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Kháng nguyên tái tổ hợp HIV, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-2.</p> <p>Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.89%, Độ chính xác: 99.99%. Đọc kết quả tại 15 phút. Không phát hiện thấy hiện tượng phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HBcAb, Anti-Syphilis, Anti-HCV, Anti-RF, Anti-H.pylori, Anti-CMV IgG, Anti-Rubella IgG.</p>						Test	300				

8	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	Phát hiện định tính và phân biệt kháng nguyên virus cúm type A và cúm type B trực tiếp từ mẫu tăm bông dịch mũi/họng/hầu họng hoặc mẫu dịch hút từ mũi/hầu họng. Độ nhạy 91,8%, độ đặc hiệu 98,9% so với nuôi cấy và RT-PCR. Không có phản ứng chéo với 32 chủng vi khuẩn và virus đã được chứng minh. Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C.						Test	200				
9	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm	Dây dẫn: Dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC tráng silicon có độ đàn hồi cao. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có công tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí): có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch 15µm. - Kim 1 cánh bướm: 22G và các cỡ khác theo yêu cầu. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt chứng nhận TCVN 6591-4:2008; CE						Bộ	5000				
10	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cân quang ở thân catheter, có cánh nhỏ, có khả năng lưu kim được đến 96h. Thân kim không chứa kim loại sử dụng được trong phòng MRI. Tiệt trùng bằng công nghệ EO. Có sẵn nút chặn kim luồn khi không sử dụng cho bệnh nhân. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G x 3/4" (I.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 26G x 3/4" (I.D: 0.64 x 19 mm, 19ml/min): màu tím						Cái	2000				
11	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2). Đạt tiêu						Cái	5000				

12	Ống nghiệm chống đông Heparin	Ống có hình dạng lăng trụ đáy tròn, có nắp đậy bằng nhựa. Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và giữ chặt bởi khe tròn giữa ba vòng răng thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Kích thước ống: dài 75mm, đường kính ngoài ống 13mm, đường kính trong ống 12mm. Chất liệu: ống làm bằng nhựa PP (polypropylene). Nắp làm bằng nhựa LDPE (low density polyethylene). Nắp nhựa màu đen, nhãn màu đen. Ống được phun hóa chất chống đông Lithium Heparin tỉ lệ 1% (chống đông 2ml máu) dưới dạng sương bám đều trên thành trong của ống nghiệm ở một nồng độ tiêu chuẩn đủ để chống đông cho máu trong khoảng từ 24-36 giờ ở điều kiện nhiệt độ 2-8 độ, chịu được lực quay ly tâm 3000-6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút Tiêu chuẩn: ISO 13485						Cái	5000				
13	Dây Oxy 2 nhánh NL + TE	Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, dây mềm, thành trong lòng ống dây có hình sao có tác dụng trống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gập, một đầu gắn phễu, một đầu gắn co 2 nhánh. Chiều dài 185 cm. Đạt tiêu chuẩn GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ;						Cái	200				
14	Giấy điện tim 3 cần	Khổ chiều rộng giấy 80mm. Chiều dài cuộn giấy điện tim 20m. Đường kính cuộn giấy: 42mm. Đường kính lõi giấy in: 16mm. Lõi rỗng để chèn trục giấy.						Cuộn	50				
15	Dây garo	Garô được sử dụng để thắt mạch, hỗ trợ trong việc tìm mạch máu dễ dàng hơn.						Cái	60				
16	Lam kính đầu mờ	Lam kính bằng thủy tinh trong. Đường kính 25,4 x 76,2mm; độ dày: 1,0 – 1,2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp 72 lá						Hộp	5				

17	Bộ nhuộm Lao	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylen Blue. Bộ: 3 chai							Bộ	2				
<b>Tổng cộng: 17 mặt hàng</b>														

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày...tháng...năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

[ ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]